

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 17-6-2021

V/v: tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết;
2. Ông Nguyễn Trần Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân, là Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1939; Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp A, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1970 (tên gọi khác: Lam); Địa chỉ: số 481/A đường KTN, khóm 3, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thúy P; Địa chỉ: Chung cư Tecco BT, số 4449 NCP, TT A, quận Bình T, TP. HCM (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Nam H trình bày yêu cầu: Năm 2018 ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất được số tiền 200.000.000đ và cho con gái của ông là bà Nguyễn Thị Thúy K mượn 50.000.000đ, vì là cha con nên không có biên nhận. Do tuổi già sức yếu, ông gặp

bà K đòi tiền nhưng bà K không trả nên ông khởi kiện buộc bà K trả tiền cho ông 50.000.000đ, ông không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 06/11/2020 và đối chất ngày 28/5/2021 ông Nguyễn Nam H trình bày: Ông là cha của bà Nguyễn Thị Thúy K, năm 2018 ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Tăng Ánh H1 và ông Tăng Văn S được số tiền 200.000.000đ và giao nhận tiền tại nhà bà K, do bà K đứng ra nhận tiền có mặt ông cùng với các con gồm bà K, T, L. Nhận tiền xong bà K tự ý giữ tiền, tự ý nói nhận lãnh cho người con của ông tên Nguyễn Thị Thúy V mượn 50.000.000đ và được ông đồng ý, cũng không có biên nhận, không nói thời hạn trả, không tính lãi suất, số tiền này là bà K tự ý đứng ra nhận lãnh cho Vân mượn nên bà K phải có nghĩa vụ trả.

Tại phiên tòa, ông H giữ yêu cầu bà K trả số tiền 50.000.000đ, vì bà K là người tự ý giữ tiền của ông 50.000.000đ rồi nói nhận bảo lãnh cho bà V mượn, bà V hoàn toàn không có hỏi ông mượn tiền nên ông không biết bà K có đưa tiền cho bà V mượn hay không. Nhưng sau đó (không nhớ ngày tháng năm), ông có gặp bà V hỏi việc có nhờ bà K bảo lãnh mượn 50.000.000đ không, nhưng bà V nói không có nên ông cho rằng bà V không liên quan số tiền này mà do bà K tự ý giữ tiền của ông rồi lừa ông nói nhận bảo lãnh cho bà V mượn, thực tế bà K giữ để tiêu xài cá nhân hết. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K phải trả cho ông số tiền 50.000.000đ mà bà K đã tự ý giữ lấy của ông, ông không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai trong phiên hòa giải ngày 06/11/2020, đối chất và phiên hòa giải cùng ngày 28/5/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Bà là con gái lớn (thứ hai) của ông Nguyễn Nam H, bà thừa nhận khoảng năm 2018 ông H có chuyển nhượng đất được 200.000.000đ và giao, nhận tiền tại nhà của bà (ở ấp A, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh). Lúc đó có ông H, L, T, P. Nhưng bà không phải là người đứng ra nhận tiền mà ông H chính là người đứng ra nhận tiền, bà với T, P có phụ đếm 01 cọc (01 sấp). Số tiền 50.000.000đ theo bà biết là V hỏi P để mượn, bà với V tuy là chị em nhưng không thuận với nhau trước đó nhiều năm nên không thể có chuyện bà nhận bảo lãnh cho V mượn 50.000.000đ, bà không đồng ý trả tiền theo ông H yêu cầu. Lời bà Tăng Ánh H1 khai nói bà trực tiếp nhận tiền là không đúng sự thật, bà với bà Tăng Ánh H1 đã có mâu thuẫn với nhau khoảng 01 năm trước liên quan ranh đất của hai bên nên lời ông H khai là không trung thực.

Tại phiên tòa, bà K giữ ý kiến không đồng ý trả tiền 50.000.000đ theo ông H yêu cầu, thực tế bà không liên quan số tiền 50.000.000đ này, mà P là người nhận lãnh cho V mượn, bà với bà V không nói chuyện chung đã nhiều năm trước, bà khẳng định chỉ phụ ông H đếm tiền, khi đếm xong bà giao cho 03 người gồm T, P và ông H giữ, do thời điểm đó ông H ở chung với T, P, còn bà đã có gia đình ra sống riêng mấy chục năm nên không có quyền gì giữ tiền của ông H.

Tại phiên hòa giải, đối chất cùng ngày 28/5/2021 bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Bà là con ruột của ông Nguyễn Nam H, là em ruột của bà Nguyễn Thị Thúy K. Sự việc ông H chuyển nhượng đất (khoảng năm 2018) được số tiền

200.000.000đ và giao nhận tiền tại nhà bà K (ở ấp A, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh) là đúng. Lúc đó có ông H, bà K, bà T và bà P. Số tiền 50.000.000đ là bà P nhận bảo lãnh cho bà V mượn, không phải bà K. Ông H và bà K cả hai đều là người thân của bà, bà không có hiềm khích mâu thuẫn với bên nào, sự thật thế nào thì bà khai thế đó, không có thiên vị người nào.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2021 đối với bà Tăng Ánh H1 cho biết:

Bà thừa nhận có nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Nam H diện tích đất 2.222m², tọa lạc ấp A, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh mà không nhớ năm nào, giá bằng 200.000.000đ và giao nhận tiền tại nhà con gái của ông H là bà Nguyễn Thị Thúy K tại ấp A, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh. Lúc đó bà K là người đứng ra nhận tiền thay cho ông H, giao tiền xong bà đi về nên không biết sự việc xảy ra sau đó giữa ông H với các con của ông H liên quan về số tiền 50.000.000đ.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện là ông H không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự cũng không yêu cầu được cung cấp tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng hoặc người chứng kiến cho yêu cầu và lời trình bày của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và một số nội dung khác từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành có mặt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Qua nội dung tại đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày khoảng năm 2018, ông H chuyển nhượng đất được 200.000.000đ và cho bà K mượn 50.000.000đ, vì là cha con nên không có biên nhận. Trong các lần hòa giải ông H trình bày số tiền này không phải bà K vay mà bà K bảo lãnh cho người con khác của ông là bà V vay.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà K không thừa nhận lời ông H khai. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa lời trình bày yêu cầu của đương sự, Kiểm sát viên cho rằng yêu cầu khởi kiện của ông H đòi bà K trả số tiền 50.000.000đ do bà K bảo lãnh cho bà V mượn là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, ông H không có chứng cứ chứng minh bà K nhận bảo lãnh cho bà V mượn tiền ông H và lời khai của bà L (con của ông H) cho biết lúc nhận 200.000.000đ tiền ông H chuyển nhượng đất tại nhà bà K là có mặt bà P và bà P là người nhận bảo lãnh cho bà V mượn tiền, không phải bà K như ông H khai. Lời khai của bà L là phù hợp các lời khai của bà K.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân

sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy K trả số tiền 50.000.000đ.

Án phí đề nghị miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Nam H do ông H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn tiền án phí.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 ông Nguyễn Nam H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy K trả tiền vay (mượn) 50.000.000đ nên khi thụ lý ban đầu vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Sau đó, qua lời khai xác nhận của ông H tại các biên bản ngày 20/8/2020, 06/11/2020 và ngày 28/5/2021 và lời trình bày của bị đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không phải hợp đồng vay tiền mà là đòi tài sản. Do đó, Tòa án có thông báo về thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp thành việc “Tranh chấp đòi tài sản” để giải quyết mới đúng bản chất sự việc.

[2] Nội dung vụ án, tại đơn khởi kiện, các lời khai của đương sự trong các biên bản làm việc, cũng như lời khai của đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định trong năm 2018, tại nhà bà Nguyễn Thị Thúy K (ấp A, xã D, huyện H, tỉnh Trà Vinh) có diễn ra sự việc giao, nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Tăng Ánh H1, ông Tăng Văn S với ông Nguyễn Nam H số tiền 200.000.000đ là đúng sự thật.

[3] Ông Nguyễn Nam H khai sau khi nhận tiền chuyển nhượng đất được 200.000.000đ thì cho bà K mượn (vay) 50.000.000đ. Sau đó, khai xác nhận thay đổi thành bà K tự ý giữ tiền của ông 50.000.000đ rồi nói bảo lãnh cho bà V mượn (vay). Nhận thấy, đây là loại việc xảy ra trong nội bộ gia đình giữa cha con với nhau, toàn bộ hai bên đều là lời nói miệng, lúc nói thế này lúc khai thế khác không có căn cứ pháp lý. Ông H luôn miệng cho rằng bà K tự ý giữ tiền của ông, nhưng hoàn toàn không có chứng cứ chứng minh được, cũng không có người làm chứng hoặc người chứng kiến sự việc đứng về phía ông, duy nhất có bà L là một trong các con của ông đã có lời khai phủ nhận việc bà K giữ số tiền 50.000.000đ của ông, ông không yêu cầu Tòa án, cũng như không yêu cầu Hội đồng xét xử phải thu thập chứng cứ khác, không yêu cầu triệu tập bất kỳ người nào thêm để chứng minh cho yêu cầu và lời trình bày của mình là có căn cứ. Lời khai của bà K thì không thừa nhận, điều này là trùng khớp với lời khai của bà L như nhận định phần trên, bà L với ông H không có mâu thuẫn hay tranh chấp gì nên xác định lời khai bà L khai là khách quan, đúng sự thật. Đối với lời khai của bà Tăng Ánh H1 tuy nói bà K là người đứng ra nhận thay ông H số tiền 200.000.000đ, nhưng không đủ cơ sở chứng minh bà K có giữ lại 50.000.000đ hay không. Mặc khác, theo bà K khai là có mâu thuẫn với bà Hồng nguyên nhân từ ranh đất của hai bên nên lời ông H khai là không khách quan. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc đòi bà K trả 50.000.000đ.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng ông Nguyễn Nam H là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện và được miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 229, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 12, 13, 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam H về việc đòi bà Nguyễn Thị Thúy K trả số tiền 50.000.000đ (*bằng chữ*: Năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Nguyễn Nam H.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Hồng Nga

